

QUỐC HỘI KHÓA XIII
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1174/ĐĐBQH-VP

Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2016

V/v Ủy ban Kinh tế và các bộ trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai

Kính gửi:

- Thường trực Tỉnh ủy Gia Lai;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Gia Lai;
- Thường trực HĐND, UBND và UBMTTQVN các huyện, thị xã, thành phố;
- Các sở: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố.



Trước kỳ họp thứ mười một, Quốc hội khóa XIII, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, chỉ đạo.

Đến nay, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nhận công văn của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và các bộ trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai như sau:

1- Công văn số 3012/UBKT+3 ngày 20/6/2016 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai về việc: *“Hiện nay, nhiều công việc liên quan đến quyền sử dụng đất của nhân dân ở các huyện do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết (có huyện xa cách tỉnh lỵ 140 km cũng phải đem hồ sơ về tỉnh ký), gây lãng phí thời gian và nguồn lực, dồn công việc từ 17 đơn vị hành chính cấp huyện về một sở chuyên môn nên phát sinh ách tắc, khó khăn. Để giải quyết kịp thời cho nhân dân các công việc có liên quan đến quyền sử dụng đất và bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước, cử tri đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu, trình Quốc hội sửa đổi Luật đất đai năm 2013, theo hướng: (i) Quy định Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý (thay vì trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường như hiện nay); (ii) Quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xác nhận, điều chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan việc sử dụng các quyền của người sử dụng đất (hộ gia đình, cá nhân) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thay cho thẩm quyền của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh như hiện nay).”*

2- Công văn số 7836/BTC-QLG ngày 09/6/2016 của Bộ Tài chính, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai về việc: *“Cử tri cho rằng, thời gian qua giá xăng dầu tuy có giảm nhưng mức giảm chưa tương xứng với mức giảm giá dầu thô. Đề nghị Chính phủ tăng cường công tác điều hành giá xăng dầu theo hướng đảm bảo quyền lợi chính đáng của nhân dân, người tiêu dùng.”*

3- Công văn số 7701/BTC-TCDN ngày 07/6/2016 của Bộ Tài chính, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai về việc: “*Đề nghị Chính phủ đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.*”

4- Công văn số 2497/BNV-TL ngày 03/6/2016 của Bộ Nội vụ, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai về việc: “*Chế độ tiền lương, phụ cấp đặc thù hiện nay còn bất cập, có quá nhiều chính sách dàn trải, không đảm bảo sự đồng bộ và tương quan giữa các cơ quan, tổ chức. Cử tri đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu với Chính phủ chỉ đạo việc rà soát lại để sửa đổi, bổ sung, quy định thống nhất chính sách, chế độ tiền lương của cán bộ, công chức.*”

5- Công văn số 2725/BNV-TCBC ngày 16/6/2016 của Bộ Nội vụ và Công văn số 4403/BNN-TCCB ngày 30/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai về việc: “*Hiện nay, Trạm thú y, Trạm bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh quản lý, nên phát sinh nhiều khó khăn trong việc triển khai, thực hiện lĩnh vực công tác này ở cấp huyện. Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ quy định hợp nhất 03 đơn vị: Trạm khuyến nông (thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý) và Trạm thú y, Trạm bảo vệ thực vật thành một đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.*”

6- Công văn số 6777/BGTVT-KHĐT ngày 15/6/2016 và Công văn số 6972/BGTVT-QLXD ngày 20/6/2016 của Bộ Giao thông Vận tải, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai như sau:

- “*Cử tri tiếp tục đề nghị Bộ quan tâm đầu tư nâng cấp hoàn chỉnh, đồng bộ tuyến Quốc lộ 25 đoạn từ huyện Phú Thiện đến huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Vừa qua, tuy có duy tu, sửa chữa nhưng không đảm bảo sự đồng bộ của toàn tuyến (sửa được đoạn này thì đoạn khác bị hư hỏng, xuống cấp), ảnh hưởng đến an toàn giao thông và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.*”

- “*Đề nghị Bộ tham mưu với Chính phủ tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng hoàn chỉnh Quốc lộ 14C trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*”

- “*Đề nghị Bộ chỉ đạo Ban quản lý dự án nâng cấp Sân bay Pleiku khẩn trương sửa chữa đường Đình Công Tráng, thành phố Pleiku, vì hiện nay tuyến đường này hư hỏng nặng do các xe tải vận chuyển vật liệu trong thời gian nâng cấp Sân bay, ảnh hưởng khó khăn cho việc đi lại của nhân dân.*”

7- Công văn số 5245/BNV-VPĐP ngày 23/6/2016; Công văn số 5005/BNV-VPĐP ngày 16/6/2016 và Công văn số 5322/BNV-TT ngày 24/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai như sau:

- “*Trong 19 tiêu chí Chương trình xây dựng nông thôn mới có tiêu chí về quy hoạch, Chính phủ yêu cầu các địa phương phải cắm mốc quy hoạch, tuy nhiên công tác cắm mốc cần số kinh phí rất lớn. Đề nghị Chính phủ cấp kinh phí cắm mốc cho các địa phương thực hiện.*”

- “*Chương trình xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện không có công chức chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ. Đề nghị Bộ tham mưu với Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương bố trí người đảm nhiệm công tác này.*”

- “*Đề nghị Chính phủ nghiên cứu, sửa đổi các chính sách đã ban hành chưa phù hợp, không khả thi trong quá trình thực hiện, như: Nghị định số 42/2012/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, trong đó quy định hỗ trợ 10 đồng/sào trên đất trồng lúa, nông dân hầu như không làm, vì hồ sơ phức tạp nhưng mức hỗ trợ lại quá thấp; Thực*

tế người dân rất khó được hỗ trợ khi có dịch bệnh theo quy định của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ...”

(Kèm theo bản sao 11 công văn).

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai thông báo để Quý cơ quan nghiên cứu trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật và phổ biến cho cử tri biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các vị ĐBQH khoá XIII (tỉnh Gia Lai);
- PCVP Nguyễn Duy Hiếu;
- Lưu VPĐDBQH.

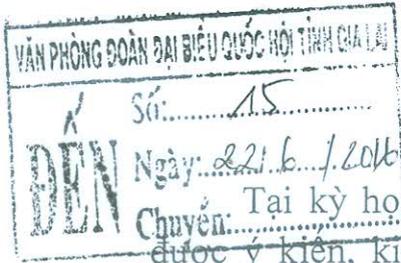
**KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



Huỳnh Thành

V/v trả lời kiến nghị của cử tri

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016



Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai,

Tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai (do Ban Dân nguyện của Ủy ban thường vụ Quốc hội chuyển đến) đề nghị Quốc hội sửa đổi Luật đất đai năm 2013 theo hướng: (i) quy định chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý (thay vì trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường như hiện nay); (ii) quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xác nhận, điều chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất (hộ gia đình, cá nhân) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thay cho thẩm quyền của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh như hiện nay).

Ủy ban Kinh tế của Quốc hội xin trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri như sau:

1. Luật đất đai năm 2013 quy định

Về trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai (Điều 23)

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai trong phạm vi cả nước.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giúp Chính phủ trong quản lý nhà nước về đất đai.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương theo thẩm quyền quy định tại Luật này.

Về cơ quan quản lý đất đai (Điều 24)

1. Hệ thống tổ chức cơ quan quản lý đất đai được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai ở trung ương là Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định

Về Chi nhánh Văn phòng quản lý đất đai (Điều 5)

a) Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường hiện có ở địa phương.

b) Văn phòng đăng ký đất đai có chi nhánh tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai được thực hiện chức năng,

nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Về thẩm quyền xác nhận, điều chỉnh, thay đổi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Điều 37)

1. Đối với địa phương đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, trong các trường hợp sau:

a) Khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng.

2. Đối với địa phương chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì việc cấp Giấy chứng nhận cho các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về các trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi thực hiện đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và việc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp.

Như vậy, vấn đề mà cử tri nêu được quy định bằng các văn bản dưới luật. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của cử tri tỉnh Gia Lai, Ủy ban Kinh tế sẽ gửi kiến nghị của cử tri đến Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan có thẩm quyền xem xét để điều chỉnh.

Ủy ban Kinh tế trân trọng cảm ơn ý kiến, kiến nghị của cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Dân nguyện của UBND tỉnh;
- Đ/c CNUBKT (để b/c);
- Lưu: HC, KT;
- E-pas: 39869

**TM. ỦY BAN KINH TẾ
KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Mai Xuân Hùng

Số: 7836 /BTC-QLG

V/v giải quyết kiến nghị của cử tri tại
kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII.

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2016

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH GIA LAI	
ĐẾN	Số: 1944
	Ngày: 13/6/2016

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Tài chính xin trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại văn bản số 92/BDN ngày 28/4/2016 như sau:

Nội dung kiến nghị:

Cử tri cho rằng, thời gian qua giá xăng dầu tuy có giảm nhưng mức giảm chưa tương xứng với mức giảm giá dầu thô. Đề nghị tăng cường công tác điều hành giá xăng dầu theo hướng bảo đảm quyền lợi chính đáng của nhân dân, người tiêu dùng.

Bộ Tài chính xin trả lời:

Theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, từ 1/11/2014, Bộ Công Thương là đơn vị chủ trì điều hành giá bán xăng dầu trong nước. Tuy nhiên, với vai trò phối hợp với Bộ Công Thương trong điều hành giá xăng dầu, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Hiện nay, giá xăng dầu đang được điều hành theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu với nguyên tắc cơ bản là: "Giá bán xăng dầu được thực hiện theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước". Theo đó, Nhà nước thực hiện kiểm tra, giám sát và điều tiết giá xăng dầu thông qua quy định công thức tính giá cơ sở. Khi xét thấy giá cơ sở tăng cao hoặc việc tăng giá xăng dầu có thể ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, Quỹ bình ổn giá xăng dầu hoặc/và các công cụ tài chính được sử dụng linh hoạt để góp phần giữ ổn định giá hoặc không để giá tăng quá cao, gây tác động bất lợi đến phát triển kinh tế xã hội, mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội. Mặt khác, việc điều hành giá xăng dầu trong nước được căn cứ trên biến động của giá xăng dầu thành phẩm thế giới, chứ không phải giá dầu thô.

Trong thời gian vừa qua, Liên Bộ Công Thương - Tài chính đã thực hiện việc giám sát và điều tiết giá xăng dầu trong nước tuân thủ theo đúng quy định và mục tiêu nêu trên. Về cơ bản, qua theo dõi diễn biến giá xăng dầu thành phẩm thế giới và trong nước có thể thấy, giá xăng dầu trong nước đã

được điều hành phù hợp với xu hướng tăng, giảm của giá xăng dầu thành phẩm thế giới.

Bộ Tài chính xin trả lời đề Đoàn đại biểu Quốc hội thông báo cho cử tri được biết. Xin trân trọng cảm ơn./. *✓*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Trường đoàn ĐBQH Tỉnh Gia Lai
- Ban Dân nguyện -UBTVQH;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ III);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai,
- Đ/c Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Vụ Dân nguyện -VPQH;
- Bộ Công Thương (để phối hợp);
- Văn phòng Bộ (3);
- Lưu: VT, QL, (D.T.H.Hà)



Đình Tiến Dũng

Số: 7701/BTC-TCĐN
V/v giải quyết kiến nghị của cử tri
tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa
XIII

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2016

Kính gửi:

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH GIA LAI	
ĐẾN	Số: 1917
	Ngày: 10/6/2016

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tiền Giang;

- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ Tài chính xin được trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri các tỉnh Gia Lai, Tiền Giang và thành phố Hồ Chí Minh do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại văn bản số 92/BDN ngày 28/4/2016 như sau:

Nội dung kiến nghị:

“Đề nghị đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và xem xét trách nhiệm cụ thể, xử lý nghiêm người đứng đầu đối với các đơn vị để xảy ra sai phạm, làm ăn kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí nguồn ngân sách nhà nước”.

Bộ Tài chính xin trả lời:

1. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015”. Trong đó, cổ phần hóa được xác định là một trong những giải pháp trọng tâm để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN).

Trong giai đoạn 2011 – 2015, các cơ chế chính sách về tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hóa DNNN tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện. Trên cơ sở các đề án đã được phê duyệt, các tập đoàn, tổng công ty đã tiến hành rà soát, phân loại, xác định danh mục ngành nghề, phạm vi kinh doanh chính, ngành nghề có liên quan và xây dựng kế hoạch cổ phần hóa; một số tập đoàn và tổng công ty đã xây dựng, ban hành mới hoặc hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành nhằm tinh giảm biên chế, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Việc triển khai Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp theo Quyết định số 929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đạt được kết quả cụ thể: Số lượng doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp trong giai đoạn 2011 – 2015 đạt kế hoạch đề ra.

Trong giai đoạn này đã sắp xếp được 558 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa được 478 doanh nghiệp (đạt 93% kế hoạch) và sắp xếp theo các hình thức khác 80 doanh nghiệp (giao 1 doanh nghiệp, bán 10 doanh nghiệp; sáp nhập 33 doanh nghiệp, hợp nhất 14 doanh nghiệp; giải thể 9 doanh nghiệp, phá sản 6 doanh nghiệp; chuyển thành đơn vị sự nghiệp 1 đơn vị; chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 6 doanh nghiệp).

Tuy nhiên, quá trình tái cơ cấu, tiến độ cổ phần hóa DNNN trong thời gian qua còn chậm so với kế hoạch đề ra vì một số nguyên nhân sau:

- Tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và những khó khăn của kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến thị trường tài chính, thị trường chứng khoán làm cho nhu cầu sụt giảm, do đó kế hoạch bán cổ phần ra công chúng của các doanh nghiệp cổ phần hóa không đạt được kế hoạch đề ra, tỷ lệ bán thành công thấp, nhiều doanh nghiệp sau bán cổ phần lần đầu vẫn còn số lượng vốn nhà nước lớn.

- Một số Bộ, ngành, địa phương, tập/đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa chỉ đạo quyết liệt và tích cực tổ chức triển khai phương án sắp xếp, cổ phần hóa.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ ở các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp tuy đã có chuyển biến nhưng chưa hiểu đúng ý nghĩa quan trọng của việc tái cơ cấu doanh nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội; còn tư tưởng e ngại, lo lắng về vị trí và vai trò lãnh đạo sau cổ phần hóa.

- Đối tượng sắp xếp, cổ phần hóa hiện nay hầu hết là các doanh nghiệp có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, kinh doanh đa ngành nghề, tài chính phức tạp nên cần có nhiều thời gian chuẩn bị, xử lý. Mặt khác, việc thực hiện cổ phần hóa, tái cơ cấu đối với các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn cần sự tham gia của nhiều nhà đầu tư lớn, có tiềm lực tài chính và năng lực quản trị, đầu tư tốt nên cần nhiều thời gian để chuẩn bị.

Để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa trong giai đoạn 2016 – 2020, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành tiếp tục hoàn thiện chính sách, chế độ, cụ thể:

- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- + Xây dựng trình Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định của thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước) theo hướng thu hẹp lĩnh vực nhà nước nắm giữ 100% vốn, giảm tỷ lệ nhà nước nắm giữ tại các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa.

- + Hướng dẫn các hình thức sắp xếp khác phù hợp với hệ thống Luật mới ban hành như cơ chế bán toàn bộ doanh nghiệp, bán một phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp để chuyển thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên, sáp nhập, hợp nhất, chia tách DNNN; bổ sung quy định trình tự, thủ tục phá sản các doanh nghiệp lâm nghiệp, nông nghiệp theo nội dung Nghị quyết của Quốc

hội đề đẩy nhanh việc xử lý các doanh nghiệp khó khăn, tình hình tài chính xấu, không đủ điều kiện chuyển đổi, sắp xếp và giải thể.

- Giao Bộ Tài chính rà soát ban hành Nghị định thay thế các Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Nghị định 189/2013/NĐ-CP và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP cho phù hợp với đối tượng cổ phần hóa và yêu cầu giai đoạn mới như: Xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính, công nợ, lao động của các doanh nghiệp cổ phần hóa; bổ sung áp dụng phương thức xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc thị trường gắn với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau cổ phần hóa, mở rộng phương thức cổ phần hóa; chính sách ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa; quản lý nguồn thu từ quá trình cổ phần hóa, thẩm quyền quyết định về giá trị doanh nghiệp, lựa chọn tổ chức tư vấn khi xác định giá trị doanh nghiệp và lập phương án cổ phần hóa...

- Tiếp tục rà soát, bổ sung các quy định về xử lý tài chính, lao động, đất đai, tài sản khi sắp xếp, chuyển đổi, cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Bộ, ngành, địa phương và các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

- Trên cơ sở các tiêu chí phân loại mới ban hành, các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước tập trung xây dựng, trình Thủ tướng phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới DNNN, các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2016 – 2020 để triển khai.

- Các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quán triệt, thực hiện kế hoạch, lộ trình tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo hoàn thành theo đúng Đề án đã được phê duyệt. Xử lý nghiêm đối với Lãnh đạo doanh nghiệp không thực hiện đúng hoặc thực hiện không có hiệu quả tái cơ cấu và nhiệm vụ được giao trong quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát DNNN, đẩy nhanh việc minh bạch, công khai hóa thông tin về hoạt động của DNNN. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả tổ chức tái cơ cấu DNNN.

2. Ngày 26/11/2014, Quốc hội đã ban hành Luật số 69/2014/QH13 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, trong đó quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu đối với các đơn vị để xảy ra sai phạm, làm ăn kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí nguồn ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Theo Khoản 3 Điều 26 Luật số 69/2014/QH13 quy định đối với quản lý nợ phải thu:

“3. Trường hợp quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ dẫn đến doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, người có liên quan phải

bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp”.

- Theo Khoản 6 Điều 45 Luật số 69/2014/QH13 quy định quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

“6. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp”.

- Theo Khoản 5, 6 Điều 48 quy định quyền, trách nhiệm của người đại diện phân vốn nhà nước:

“5. Không được tiếp tục làm người đại diện khi thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm gây tổn thất vốn nhà nước.”

- Theo Khoản 4, 5 Điều 49 quy định quyền, trách nhiệm của người đại diện phân vốn của doanh nghiệp:

“4. Không được tiếp tục làm người đại diện khi thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm gây tổn thất vốn của doanh nghiệp”.

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp do Quốc hội ban hành, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc giám sát đầu tư vốn nhà nước và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các đơn vị để xảy ra tình trạng sai phạm, làm ăn kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí nguồn ngân sách nhà nước, cụ thể:

Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trong đó Điều 47 quy định cụ thể việc xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật đối với người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Riêng đối với việc xử lý người đứng đầu tại các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định hình thức kỷ luật cũng được quy định cụ thể tại Chương II, việc khen thưởng, kỷ luật người quản lý doanh nghiệp quy định cụ thể tại Chương VIII, theo đó:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Bộ quản lý ngành và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ đối với: (1) Chủ tịch Hội đồng thành viên tập đoàn; (2) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

- Bộ quản lý ngành quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên tập đoàn, tổng công ty, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thuộc Bộ quản lý ngành đối với: thành viên Hội đồng thành viên tập đoàn; Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; thành viên Hội đồng thành viên tổng công ty hoặc công ty.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên tổng công ty, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; thành viên Hội đồng thành viên tổng công ty hoặc công ty.

- Hội đồng thành viên tập đoàn, tổng công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với:

+ Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên và sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

- Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Tổng giám đốc tập đoàn, tổng công ty; Giám đốc công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh quản lý theo phân cấp thẩm quyền.

- Bộ Nội vụ thẩm định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo quy định về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ nêu trên.

Như vậy, chính sách pháp luật hiện nay phân công rõ ràng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, xử lý người đứng đầu và quy định đầy đủ hình thức xử lý, kỷ luật đối với người đứng đầu khi để xảy ra sai phạm, gây thất thoát lãng phí nguồn ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính xin trả lời để các Đoàn Đại biểu thông báo cho cử tri được biết.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: *mu*

- Như trên;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tiền Giang;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh;
- Ban Dân nguyện - UB TVQH;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ III);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Đ/c Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Vụ Dân nguyện - VPQH;
- Văn phòng Bộ (03);
- Lưu: VT, Cục TCDN (Đoàn Đức Hiếu) 25.



Đinh Tiên Dũng

14/6/2016

Số: 7701/BTC-TCĐN

V/v giải quyết kiến nghị của cử tri
tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2016

XIII

Kính gửi:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tiền Giang;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ Tài chính xin được trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri các tỉnh Gia Lai, Tiền Giang và thành phố Hồ Chí Minh do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại văn bản số 92/BDN ngày 28/4/2016 như sau:

Nội dung kiến nghị:

“Đề nghị đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và xem xét trách nhiệm cụ thể, xử lý nghiêm người đứng đầu đối với các đơn vị để xảy ra sai phạm, làm ăn kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí nguồn ngân sách nhà nước”.

Bộ Tài chính xin trả lời:

1. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015”. Trong đó, cổ phần hóa được xác định là một trong những giải pháp trọng tâm để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN).

Trong giai đoạn 2011 – 2015, các cơ chế chính sách về tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hóa DNNN tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện. Trên cơ sở các đề án đã được phê duyệt, các tập đoàn, tổng công ty đã tiến hành rà soát, phân loại, xác định danh mục ngành nghề, phạm vi kinh doanh chính, ngành nghề có liên quan và xây dựng kế hoạch cổ phần hóa; một số tập đoàn và tổng công ty đã xây dựng, ban hành mới hoặc hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành nhằm tinh giảm biên chế, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Việc triển khai Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp theo Quyết định số 929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đạt được kết quả cụ thể: Số lượng doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp trong giai đoạn 2011 – 2015 đạt kế hoạch đề ra.

Trong giai đoạn này đã sắp xếp được 558 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa được 478 doanh nghiệp (đạt 93% kế hoạch) và sắp xếp theo các hình thức khác 80 doanh nghiệp (giao 1 doanh nghiệp, bán 10 doanh nghiệp; sáp nhập 33 doanh nghiệp, hợp nhất 14 doanh nghiệp; giải thể 9 doanh nghiệp, phá sản 6 doanh nghiệp; chuyển thành đơn vị sự nghiệp 1 đơn vị; chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 6 doanh nghiệp).

Tuy nhiên, quá trình tái cơ cấu, tiến độ cổ phần hóa DNNN trong thời gian qua còn chậm so với kế hoạch đề ra vì một số nguyên nhân sau:

- Tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và những khó khăn của kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến thị trường tài chính, thị trường chứng khoán làm cho nhu cầu sụt giảm, do đó kế hoạch bán cổ phần ra công chúng của các doanh nghiệp cổ phần hóa không đạt được kế hoạch đề ra, tỷ lệ bán thành công thấp, nhiều doanh nghiệp sau bán cổ phần lần đầu vẫn còn số lượng vốn nhà nước lớn.

- Một số Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa chỉ đạo quyết liệt và tích cực tổ chức triển khai phương án sắp xếp, cổ phần hóa.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ ở các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp tuy đã có chuyển biến nhưng chưa hiểu đúng ý nghĩa quan trọng của việc tái cơ cấu doanh nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội; còn tư tưởng e ngại, lo lắng về vị trí và vai trò lãnh đạo sau cổ phần hóa.

- Đối tượng sắp xếp, cổ phần hóa hiện nay hầu hết là các doanh nghiệp có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, kinh doanh đa ngành nghề, tài chính phức tạp nên cần có nhiều thời gian chuẩn bị, xử lý. Mặt khác, việc thực hiện cổ phần hóa, tái cơ cấu đối với các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn cần sự tham gia của nhiều nhà đầu tư lớn, có tiềm lực tài chính và năng lực quản trị, đầu tư tốt nên cần nhiều thời gian để chuẩn bị.

Để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa trong giai đoạn 2016 – 2020, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành tiếp tục hoàn thiện chính sách, chế độ, cụ thể:

- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Xây dựng trình Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định của thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước) theo hướng thu hẹp lĩnh vực nhà nước nắm giữ 100% vốn, giảm tỷ lệ nhà nước nắm giữ tại các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa.

+ Hướng dẫn các hình thức sắp xếp khác phù hợp với hệ thống Luật mới ban hành như cơ chế bán toàn bộ doanh nghiệp, bán một phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp để chuyển thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên, sáp nhập, hợp nhất, chia tách DNNN; bổ sung quy định trình tự, thủ tục phá sản các doanh nghiệp lâm nghiệp, nông nghiệp theo nội dung Nghị quyết của Quốc

hội để đẩy nhanh việc xử lý các doanh nghiệp khó khăn, tình hình tài chính xấu, không đủ điều kiện chuyển đổi, sắp xếp và giải thể.

- Giao Bộ Tài chính rà soát ban hành Nghị định thay thế các Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Nghị định 189/2013/NĐ-CP và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP cho phù hợp với đối tượng cổ phần hóa và yêu cầu giai đoạn mới như: Xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính, công nợ, lao động của các doanh nghiệp cổ phần hóa; bổ sung áp dụng phương thức xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc thị trường gắn với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau cổ phần hóa, mở rộng phương thức cổ phần hóa; chính sách ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa; quản lý nguồn thu từ quá trình cổ phần hóa, thẩm quyền quyết định về giá trị doanh nghiệp, lựa chọn tổ chức tư vấn khi xác định giá trị doanh nghiệp và lập phương án cổ phần hóa...

- Tiếp tục rà soát, bổ sung các quy định về xử lý tài chính, lao động, đất đai, tài sản khi sắp xếp, chuyển đổi, cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Bộ, ngành, địa phương và các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

- Trên cơ sở các tiêu chí phân loại mới ban hành, các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước tập trung xây dựng, trình Thủ tướng phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới DNNN, các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2016 – 2020 để triển khai.

- Các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quán triệt, thực hiện kế hoạch, lộ trình tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo hoàn thành theo đúng Đề án đã được phê duyệt. Xử lý nghiêm đối với Lãnh đạo doanh nghiệp không thực hiện đúng hoặc thực hiện không có hiệu quả tái cơ cấu và nhiệm vụ được giao trong quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát DNNN, đẩy nhanh việc minh bạch, công khai hóa thông tin về hoạt động của DNNN. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả tổ chức tái cơ cấu DNNN.

2. Ngày 26/11/2014, Quốc hội đã ban hành Luật số 69/2014/QH13 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, trong đó quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu đối với các đơn vị để xảy ra sai phạm, làm ăn kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí nguồn ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Theo Khoản 3 Điều 26 Luật số 69/2014/QH13 quy định đối với quản lý nợ phải thu:

“3. Trường hợp quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ dẫn đến doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, người có liên quan phải

bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp”.

- Theo Khoản 6 Điều 45 Luật số 69/2014/QH13 quy định quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

“6. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp”.

- Theo Khoản 5, 6 Điều 48 quy định quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước:

“5. Không được tiếp tục làm người đại diện khi thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm gây tổn thất vốn nhà nước.”

- Theo Khoản 4, 5 Điều 49 quy định quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp:

“4. Không được tiếp tục làm người đại diện khi thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm gây tổn thất vốn của doanh nghiệp”.

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp do Quốc hội ban hành, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc giám sát đầu tư vốn nhà nước và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các đơn vị để xảy ra tình trạng sai phạm, làm ăn kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí nguồn ngân sách nhà nước, cụ thể:

Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trong đó Điều 47 quy định cụ thể việc xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật đối với người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Riêng đối với việc xử lý người đứng đầu tại các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định hình thức kỷ luật cũng được quy định cụ thể tại Chương II, việc khen thưởng, kỷ luật người quản lý doanh nghiệp quy định cụ thể tại Chương VIII, theo đó:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Bộ quản lý ngành và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ đối với: (1) Chủ tịch Hội đồng thành viên tập đoàn; (2) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

- Bộ quản lý ngành quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên tập đoàn, tổng công ty, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thuộc Bộ quản lý ngành đối với: thành viên Hội đồng thành viên tập đoàn; Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; thành viên Hội đồng thành viên tổng công ty hoặc công ty.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên tổng công ty, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; thành viên Hội đồng thành viên tổng công ty hoặc công ty.

- Hội đồng thành viên tập đoàn, tổng công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với:

+ Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên và sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

- Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Tổng giám đốc tập đoàn, tổng công ty; Giám đốc công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh quản lý theo phân cấp thẩm quyền.

- Bộ Nội vụ thẩm định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo quy định về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ nêu trên.

Như vậy, chính sách pháp luật hiện nay phân công rõ ràng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, xử lý người đứng đầu và quy định đầy đủ hình thức xử lý, kỷ luật đối với người đứng đầu khi để xảy ra sai phạm, gây thất thoát lãng phí nguồn ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính xin trả lời để các Đoàn Đại biểu thông báo cho cử tri được biết.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: /h

- Như trên;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai; ✓
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tiền Giang;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh;
- Ban Dân nguyện - UB TVQH;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ III);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Đ/c Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Vụ Dân nguyện - VPQH;
- Văn phòng Bộ (03);
- Lưu: VT, Cục TCDN (Đoàn Đức Hiếu) 25.



Đinh Tiên Dũng
Đinh Tiên Dũng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2497** /BNV-TL

Hà Nội, ngày **03** tháng **6** năm 2016

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
gửi tới kỳ họp thứ 11,
Quốc hội khoá XIII

Kính gửi: Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Nội vụ nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi tới kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII với nội dung:

“Chế độ tiền lương, phụ cấp đặc thù hiện nay còn bất cập, có quá nhiều chính sách dàn trải, không bảo đảm sự đồng bộ và tương quan giữa các cơ quan, tổ chức. Cử tri đề nghị Bộ tham mưu, với Chính phủ chỉ đạo việc rà soát lại để sửa đổi, bổ sung, quy định thống nhất chính sách, chế độ tiền lương của cán bộ, công chức”.

Bộ Nội vụ báo cáo và trả lời như sau:

1. Chế độ tiền lương hiện hành đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện từ tháng 10 năm 2004 theo Kết luận số 21-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2003 của Hội nghị Trung ương 8 khóa IX. Theo đó, đã quy định nguyên tắc cán bộ, công chức, viên chức áp dụng chung bảng lương; điều kiện lao động đặc thù và ưu đãi ngành, nghề thực hiện bằng chế độ phụ cấp. Căn cứ quy định nêu trên và do mức lương theo ngạch, bậc quy định trong bảng lương công chức, viên chức còn thấp, các cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước đã quy định áp dụng các chế độ phụ cấp theo ngành, nghề như sau:

- Phụ cấp ưu đãi theo nghề áp dụng đối với công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ xếp lương theo các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nhà giáo, y tế, kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y, kiểm soát đê điều, tìm kiếm cứu nạn hàng hải, thống kê, dự trữ quốc gia, văn hóa - thông tin, khí tượng thủy văn, quản lý thị trường, hải quan, kiểm toán.

- Phụ cấp trách nhiệm theo nghề áp dụng đối với các chức danh xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ và bảng lương chức vụ thuộc ngành tòa án, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra đảng và thi hành án dân sự, công chứng.

2. Vấn đề cử tri nêu trên đã được Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền trong quá trình nghiên cứu xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp. Đề án này đã được trình tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (tháng 5 năm 2012) và Hội nghị Trung ương 7 khóa XI (tháng 5 năm 2013). Tuy nhiên, do nền kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn, việc triển khai thực hiện các giải pháp tạo nguồn và đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài

chính và tiền lương gắn với hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội đang triển khai thực hiện chưa có nhiều kết quả, nên khó bố trí đủ nguồn cho cải cách tiền lương. Vì vậy, Trung ương chưa thông qua Đề án và giao Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp tục nghiên cứu xây dựng Đề án trình Trung ương vào thời điểm thích hợp, khi có đủ điều kiện thực hiện.

Trong thời gian Trung ương chưa thông qua Đề án cải cách chính sách tiền lương, không bổ sung các loại phụ cấp đặc thù theo ngành, nghề. Căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét từng bước điều chỉnh tiền lương theo đúng Kết luận số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về “Một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020”.

Bộ Nội vụ báo cáo Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBTW Quốc hội;
- Ban Dân nguyện UBTWQH;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân;
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Lưu VT, VP, Vụ TL.

BỘ TRƯỞNG



Lê Vĩnh Tân

Nhận 23/6
Trà TB + 2/6
Cứu

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2725 /BNV-TCBC

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2016

V/v trả lời kiến nghị của cử
tri gửi tới Kỳ họp thứ 11,
Quốc hội khoá XIII.

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Nội vụ nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi tới kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII với nội dung: “Hiện nay, Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh quản lý, nên phát sinh nhiều khó khăn trong việc triển khai, thực hiện lĩnh vực công tác này ở cấp huyện. Đề nghị Bộ tham mưu Chính phủ quy định hợp nhất 03 đơn vị: Trạm Khuyến nông (thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý) và Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật thành 01 đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý”.

Về vấn đề nêu trên, Bộ Nội vụ xin trả lời như sau:

- Điểm c Khoản 1 Điều 6 Luật Thú y quy định: “Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y đặt tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương”.

- Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, đã quy định: “Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trực thuộc cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh”.

- Điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông, quy định: “Ở cấp huyện có trạm khuyến nông là đơn vị sự nghiệp công lập”.

Để góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động và yêu cầu thực tế của địa phương, Bộ Nội vụ ủng hộ việc hợp nhất 03 đơn vị: Trạm Khuyến nông, Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật thành 01 đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. Tuy nhiên, việc hợp nhất này thì chưa phù hợp với quy định tại Luật Thú y, Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Nghị định số 02/2010/NĐ-CP nêu trên. Vấn đề này cần được nghiên cứu khi Quốc hội sửa đổi Luật Thú y và Chính phủ sửa đổi Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Nghị định số 02/2010/NĐ-CP.

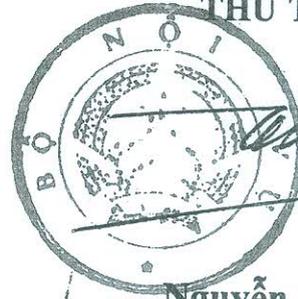
Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai; xin báo cáo Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện, UBTV Quốc hội;
- Trưởng đoàn Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, VP (THTK), TCBC (03b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Thăng
Nguyễn Duy Thăng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2725 /BNV-TCBC

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2016

V/v trả lời kiến nghị của cử
tri gửi tới Kỳ họp thứ 11,
Quốc hội khoá XIII.

TÂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
A/	35.....14
ĐẾN	Ngày 21/6/2016
Chuyên...	

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Nội vụ nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi tới kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII với nội dung: “Hiện nay, Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh quản lý, nên phát sinh nhiều khó khăn trong việc triển khai, thực hiện lĩnh vực công tác này ở cấp huyện. Đề nghị Bộ tham mưu Chính phủ quy định hợp nhất 03 đơn vị: Trạm Khuyến nông (thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý) và Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật thành 01 đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý”.

Về vấn đề nêu trên, Bộ Nội vụ xin trả lời như sau:

- Điểm c Khoản 1 Điều 6 Luật Thú y quy định: “Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y đặt tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương”.

- Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, đã quy định: “Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trực thuộc cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh”.

- Điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông, quy định: “Ở cấp huyện có trạm khuyến nông là đơn vị sự nghiệp công lập”.

Để góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động và yêu cầu thực tế của địa phương, Bộ Nội vụ ủng hộ việc hợp nhất 03 đơn vị: Trạm Khuyến nông, Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật thành 01 đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. Tuy nhiên, việc hợp nhất này thì chưa phù hợp với quy định tại Luật Thú y, Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Nghị định số 02/2010/NĐ-CP nêu trên. Vấn đề này cần được nghiên cứu khi Quốc hội sửa đổi Luật Thú y và Chính phủ sửa đổi Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Nghị định số 02/2010/NĐ-CP.

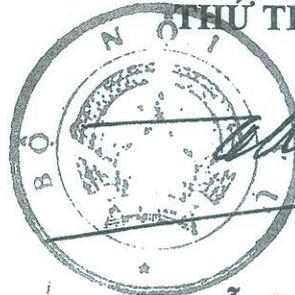
Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai; xin báo cáo Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện, UBTV Quốc hội;
- Trưởng đoàn Đoàn ĐBQH tỉnh Gia Lai;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, VP (THTK), TCBC (03b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Thăng

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4403 /BNN-TCCB
V/v trả lời kiến nghị của cử tri
tỉnh Gia Lai.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2016

Kính gửi:



Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, xin được trả lời như sau:

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ (câu số 115)

Hiện nay, Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh quản lý, nên phát sinh nhiều khó khăn trong việc triển khai công tác này ở cấp huyện. Đề nghị Bộ tham mưu Chính phủ quy định hợp nhất 03 đơn vị: Trạm Khuyến nông (thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý) và Trạm Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật thành 01 đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện quản lý.

TRẢ LỜI

Về vấn đề này Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y trên địa bàn huyện là cơ quan trực thuộc các Chi cục quản lý chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành, đã được quy định tại Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015), Luật Thú y số 79/2015/QH13 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2016), các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật, Pháp lệnh và Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ,...

Các Trạm này có nhiệm vụ thực thi pháp luật, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về thú y, bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm nông sản, quản lý phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, quản lý chất lượng vật tư phục vụ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi,... Việc thiết lập tổ chức, xác định chức năng nhiệm vụ và quản lý hoạt động của các Trạm này đang phù hợp với nguyên tắc quản lý nhà nước chuyên ngành nông nghiệp và đã được luật định.

2. Trạm Khuyến nông được thành lập theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ Về Khuyến nông.

Trạm Khuyến nông là đơn vị sự nghiệp công lập (loại hình tổ chức khác với Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y) có chức năng cung cấp, cung ứng dịch vụ công về khuyến nông và một phần nào đó hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo sản xuất của UBND cấp huyện.

Là đơn vị sự nghiệp công lập nên Trạm Khuyến nông không có chức năng quản lý và thực thi pháp luật chuyên ngành. Hoạt động của Trạm theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Nhà nước đang có chủ trương xã hội hóa việc cung cấp dịch vụ công, hạn chế tối đa việc nhà nước trực tiếp tổ chức cung cấp dịch vụ công phục vụ sản xuất.

3. Việc hợp nhất các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y và Trạm Khuyến nông là không phù hợp với quy định của pháp luật; có thể dẫn đến lẫn lộn giữa quản lý nhà nước chuyên ngành với việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đang được xã hội hóa.

4. Ý kiến Cử tri không nêu cụ thể những khó khăn trong thực hiện công tác ở huyện. Tuy nhiên, nếu những khó khăn trong việc quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện đề nghị thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 3808/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/9/2015 về "Ban hành Quy chế mẫu về quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật nông nghiệp trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã". Việc tinh giảm bộ máy, tinh giản biên chế, phân cấp quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước cần được xử lý bằng các giải pháp khác.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời kiến nghị của Cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPQH (Vụ Dân nguyện);
- VPCP (Vụ Tổng hợp);
- Văn phòng Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
V. THỦ TRƯỞNG



Vu Văn Tám

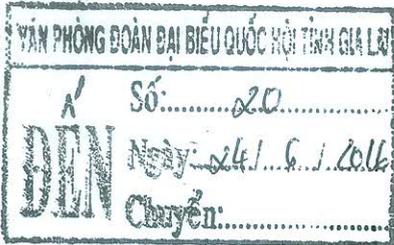
Số: 6777/BGTVT-KHĐT

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh
Gia Lai

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2016

Kính gửi:

- Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Ban Dân nguyện – UB Thường vụ Quốc hội;
- Bộ trưởng - Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban TW mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai;
- Chủ tịch HĐND tỉnh Gia Lai;
- Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.



Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII với các nội dung như sau:

- Cử tri tiếp tục đề nghị Bộ quan tâm đầu tư nâng cấp hoàn chỉnh, đồng bộ tuyến Quốc lộ 25 đoạn từ huyện Phú Thiện đến huyện KRông Pa, tỉnh Gia Lai. Vừa qua, tuy có duy tu, sửa chữa nhưng không đảm bảo sự đồng bộ của toàn tuyến (sửa được đoạn này thì đoạn khác bị hư hỏng, xuống cấp), ảnh hưởng đến an toàn giao thông và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đề nghị Bộ tham mưu với Chính phủ tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng hoàn chỉnh Quốc lộ 14C trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Về các vấn đề này, Bộ GTVT xin được trả lời như sau:

1. Về quốc lộ 25: Nối Gia Lai - Phú Yên dài 181 km, trong đó đoạn qua Gia Lai dài khoảng 111 km, tình hình triển khai cụ thể như sau:

- Đoạn Km99+500 - Km113 đã được đầu tư nâng cấp từ năm 2010. Tuy nhiên, đoạn tuyến mới chỉ được thảm bê tông nhựa dày 7cm và một số vị trí qua đèo Tô Na có kết cấu mái ta luy không ổn định. Hiện nay, Bộ GTVT đã đưa dự án xử lý bền vững hóa công trình và tăng cường kết cấu mặt đường QL25 đoạn Km99+432 - Km113, tỉnh Gia Lai vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép triển khai đầu tư xây dựng.

- Đoạn Km21 – Km99+432 và đoạn Km113 – Km123 qua 2 tỉnh Phú Yên và Gia Lai (bao gồm đoạn từ huyện Phú Thiện đến huyện KRông Pa): Đã được khởi công năm 2010, quy mô cấp IV đồng bằng, tổng mức đầu tư là 1.390 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. Đến năm 2011, do khó khăn về vốn nên phải đình hoãn theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Dự án chỉ được thực hiện theo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đã bố trí giai đoạn đến 2015 là 527 tỷ đồng để hoàn thành đầu tư một số đoạn cấp thiết. Các đoạn còn lại đã được đưa vào danh mục các dự án chuyển tiếp trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để tiếp tục đầu tư sau khi được bố trí vốn.

- Đoạn Km123 – Km181: Bộ GTVT đã đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép triển khai đầu tư xây dựng.

Như vậy, trong khi chưa triển khai thực hiện đầu tư được ngay, Bộ GTVT sẽ giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp tục tăng cường công tác duy tu, sửa chữa và đảm bảo an toàn giao thông.

2. Về quốc lộ 14C: Quốc lộ 14C đi qua địa phận các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Bình Phước, trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Gia Lai dài khoảng 91 km.

- Giai đoạn 1: Quy mô cấp IV miền núi, tổng mức đầu tư khoảng 138 tỷ đồng, đã đầu tư hoàn thành nền, mặt đường từ năm 2010 bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- Giai đoạn 2: Bộ GTVT đã có Quyết định số 1978/QĐ-BGTVT ngày 15/7/2010 phê duyệt dự án đầu tư với tổng mức đầu tư khoảng 428 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào nguồn vốn được giao (khoảng 100 tỷ đồng), Bộ GTVT đã triển khai trước các đoạn: Km124 – Km130, Km152 – Km162 và Km196 – Km202. Các đoạn còn lại khoảng 60km đã được Bộ GTVT đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép tiếp tục đầu tư xây dựng.

Bộ GTVT đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai chuyên các ý kiến nêu trên đến cử tri được rõ. Bộ GTVT sẽ phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh Gia Lai để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực GTVT trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Chánh Văn phòng Bộ;
- Tổng cục ĐBVN;
- Vụ KCHTGT;
- Sở GTVT Gia Lai;
- Lưu VT, KHĐT.



Nguyễn Ngọc Đông

Số: 6777/BGTVT-KHĐT

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh
Gia Lai

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2016

Kính gửi:

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số:.....20.....	
Ngày: 24/6/2016	
Chuyên:.....	

ĐEN

- Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Ban Dân nguyện – UB Thường vụ Quốc hội;
- Bộ trưởng - Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban TW mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai;
- Chủ tịch HĐND tỉnh Gia Lai;
- Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII với các nội dung như sau:

- Cử tri tiếp tục đề nghị Bộ quan tâm đầu tư nâng cấp hoàn chỉnh, đồng bộ tuyến Quốc lộ 25 đoạn từ huyện Phú Thiện đến huyện KRông Pa, tỉnh Gia Lai. Vừa qua, tuy có duy tu, sửa chữa nhưng không đảm bảo sự đồng bộ của toàn tuyến (sửa được đoạn này thì đoạn khác bị hư hỏng, xuống cấp), ảnh hưởng đến an toàn giao thông và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đề nghị Bộ tham mưu với Chính phủ tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng hoàn chỉnh Quốc lộ 14C trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Về các vấn đề này, Bộ GTVT xin được trả lời như sau:

1. Về quốc lộ 25: Nối Gia Lai - Phú Yên dài 181 km, trong đó đoạn qua Gia Lai dài khoảng 111 km, tình hình triển khai cụ thể như sau:

- Đoạn Km99+500 - Km113 đã được đầu tư nâng cấp từ năm 2010. Tuy nhiên, đoạn tuyến mới chỉ được thảm bê tông nhựa dày 7cm và một số vị trí qua đèo Tô Na có kết cấu mái ta luy không ổn định. Hiện nay, Bộ GTVT đã đưa dự án xử lý bền vững hóa công trình và tăng cường kết cấu mặt đường QL25 đoạn Km99+432 - Km113, tỉnh Gia Lai vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép triển khai đầu tư xây dựng.

- Đoạn Km21 - Km99+432 và đoạn Km113 - Km123 qua 2 tỉnh Phú Yên và Gia Lai (bao gồm đoạn từ huyện Phú Thiện đến huyện KRông Pa): Đã được khởi công năm 2010, quy mô cấp IV đồng bằng, tổng mức đầu tư là 1.390 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. Đến năm 2011, do khó khăn về vốn nên phải đình hoãn theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Dự án chỉ được thực hiện theo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đã bố trí giai đoạn đến 2015 là 527 tỷ đồng để hoàn thành đầu tư một số đoạn cấp thiết. Các đoạn còn lại đã được đưa vào danh mục các dự án chuyển tiếp trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để tiếp tục đầu tư sau khi được bố trí vốn.

- Đoạn Km123 – Km181: Bộ GTVT đã đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép triển khai đầu tư xây dựng.

Như vậy, trong khi chưa triển khai thực hiện đầu tư được ngay, Bộ GTVT sẽ giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp tục tăng cường công tác duy tu, sửa chữa và đảm bảo an toàn giao thông.

2. Về quốc lộ 14C: Quốc lộ 14C đi qua địa phận các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Bình Phước, trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Gia Lai dài khoảng 91 km.

- Giai đoạn 1: Quy mô cấp IV miền núi, tổng mức đầu tư khoảng 138 tỷ đồng, đã đầu tư hoàn thành nền, mặt đường từ năm 2010 bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- Giai đoạn 2: Bộ GTVT đã có Quyết định số 1978/QĐ-BGTVT ngày 15/7/2010 phê duyệt dự án đầu tư với tổng mức đầu tư khoảng 428 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào nguồn vốn được giao (khoảng 100 tỷ đồng), Bộ GTVT đã triển khai trước các đoạn: Km124 – Km130, Km152 – Km162 và Km196 – Km202. Các đoạn còn lại khoảng 60km đã được Bộ GTVT đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép tiếp tục đầu tư xây dựng.

Bộ GTVT đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai chuyển các ý kiến nêu trên đến cử tri được rõ. Bộ GTVT sẽ phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh Gia Lai để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực GTVT trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Chánh Văn phòng Bộ;
- Tổng cục ĐBVN;
- Vụ KCHTGT;
- Sở GTVT Gia Lai;
- Lưu VT, KHĐT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Đông

Số: 6972/BGTVT-QLXD

V/v: Trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2016

Kính gửi:



- Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai;
- Bí thư tỉnh uỷ Gia Lai;
- Chủ tịch HĐND tỉnh Gia Lai;
- Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT) đã nhận văn bản số 92/BDN ngày 28/4/2016 của Ban Dân nguyện - Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc chuyển kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII, trong đó cử tri tỉnh Gia Lai kiến nghị:

Đề nghị Bộ GTVT chỉ đạo Ban Quản lý dự án nâng cấp sân bay Pleiku khẩn trương sửa chữa đường Đinh Công Tráng, thành phố Pleiku, vì hiện nay tuyến đường này bị hư hỏng nặng do các xe tải vận chuyển vật liệu trong thời gian thi nâng cấp sân bay, ảnh hưởng khó khăn cho việc đi lại của người dân.

Về vấn đề này, Bộ Giao thông vận tải xin được trả lời như sau:

Trong quá trình thi công Dự án kéo dài và nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ máy bay Cảng hàng không Pleiku (Dự án), được sự giúp đỡ của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Ủy ban nhân thành phố Pleiku cho phép Liên danh nhà thầu CIENCO4-ACC (đơn vị thi công của dự án) sử dụng đường Đinh Công Tráng để vận chuyển vật tư, thiết bị, đất, đá để thi công. Đồng thời, Liên danh nhà thầu CIENCO4-ACC cam kết sẽ sửa chữa và hoàn trả đường lại đường Đinh Công Tráng như hiện trạng ban đầu.

Ngay sau khi Dự án hoàn thành đưa vào khai thác. Ngày 18/12/2015, Liên danh nhà thầu CIENCO4-ACC cùng Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, Sở Giao thông Gia Lai đánh giá mức độ hư hỏng và thống nhất phương án sửa chữa đường Đinh Công Tráng.

Ngày 19/01/2016, Liên danh nhà thầu CIENCO4-ACC đã hoàn thành công tác sửa chữa và bàn giao cho Phòng Quản lý đô thị thành phố Pleiku, Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất - Thành phố Pleiku.

Bộ GTVT trân trọng cảm ơn cử tri tỉnh Gia Lai đã quan tâm đến công tác của Bộ GTVT. Chúng tôi luôn liên hệ chặt chẽ với Đoàn đại biểu Quốc hội và Lãnh đạo tỉnh Gia Lai để giải quyết các vấn đề liên quan. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CQLXD

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



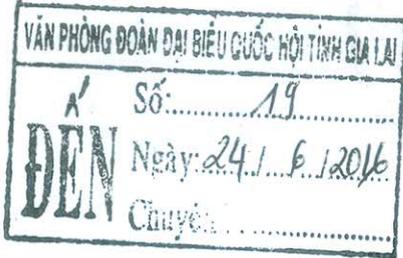
Nguyễn Nhật

Số: 6972/BGTVT-QLXD

V/v: Trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2016

Kính gửi:



- Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai;
- Bí thư tỉnh uỷ Gia Lai;
- Chủ tịch HĐND tỉnh Gia Lai;
- Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT) đã nhận văn bản số 92/BDN ngày 28/4/2016 của Ban Dân nguyện - Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc chuyển kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII, trong đó cử tri tỉnh Gia Lai kiến nghị:

Đề nghị Bộ GTVT chỉ đạo Ban Quản lý dự án nâng cấp sân bay Pleiku khẩn trương sửa chữa đường Đình Công Tráng, thành phố Pleiku, vì hiện nay tuyến đường này bị hư hỏng nặng do các xe tải vận chuyển vật liệu trong thời gian thi nâng cấp sân bay, ảnh hưởng khó khăn cho việc đi lại của người dân.

Về vấn đề này, Bộ Giao thông vận tải xin được trả lời như sau:

Trong quá trình thi công Dự án kéo dài và nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ máy bay Cảng hàng không Pleiku (Dự án), được sự giúp đỡ của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Ủy ban nhân thành phố Pleiku cho phép Liên danh nhà thầu CIENCO4-ACC (đơn vị thi công của dự án) sử dụng đường Đình Công Tráng để vận chuyển vật tư, thiết bị, đất, đá để thi công. Đồng thời, Liên danh nhà thầu CIENCO4-ACC cam kết sẽ sửa chữa và hoàn trả đường lại đường Đình Công Tráng như hiện trạng ban đầu.

Ngay sau khi Dự án hoàn thành đưa vào khai thác. Ngày 18/12/2015, Liên danh nhà thầu CIENCO4-ACC cùng Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, Sở Giao thông Gia Lai đánh giá mức độ hư hỏng và thống nhất phương án sửa chữa đường Đình Công Tráng.

Ngày 19/01/2016, Liên danh nhà thầu CIENCO4-ACC đã hoàn thành công tác sửa chữa và bàn giao cho Phòng Quản lý đô thị thành phố Pleiku, Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất - Thành phố Pleiku.

Bộ GTVT trân trọng cảm ơn cử tri tỉnh Gia Lai đã quan tâm đến công tác của Bộ GTVT. Chúng tôi luôn liên hệ chặt chẽ với Đoàn đại biểu Quốc hội và Lãnh đạo tỉnh Gia Lai để giải quyết các vấn đề liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CQLXD

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



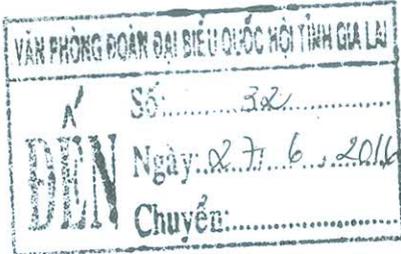
Nguyễn Nhật

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *5245* /BNN-VPĐP
V/v trả lời kiến nghị của
cử tri tỉnh Gia Lai

Hà Nội, ngày *23* tháng *6* năm 2016



Kính gửi:

- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, xin được trả lời như sau:

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ (Câu số 112)

Trong 19 tiêu chí Chương trình xây dựng nông thôn mới có tiêu chí về quy hoạch, Chính phủ yêu cầu các địa phương phải cắm mốc quy hoạch, tuy nhiên, công tác cắm mốc cần số kinh phí rất lớn. Đề nghị Chính phủ cấp kinh phí cắm mốc cho các địa phương thực hiện.

TRẢ LỜI

Cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng kỹ thuật và ranh giới phân khu chức năng là một trong các nội dung về quản lý, thực hiện quy hoạch nông thôn mới được quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của liên Bộ Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới. Ngày 15/3/2016, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 10/2016/TT-BXD quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng, trong đó quy định: Kinh phí từ ngân sách Nhà nước được sử dụng để lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa, bổ sung và khôi phục mốc giới đối với các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết không thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh.

Ngân sách Trung ương hỗ trợ các địa phương thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua đã có nội dung thực hiện công tác quy hoạch, tuy nhiên trong điều kiện nguồn kinh phí còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tất cả nhu cầu của địa phương. Nhiều địa phương đã chủ động bố trí ngân sách và huy động nguồn lực của địa phương (sử dụng vật liệu sẵn có, huy động ngày công) để thực hiện công tác cắm mốc chỉ giới quy hoạch nông thôn mới.

Công tác cấm mốc chỉ giới cần kinh phí lớn, nhất là đối với những địa phương có diện tích lớn như tỉnh Gia Lai. Vì vậy, cùng với nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, đề nghị tỉnh Gia Lai chủ động huy động các nguồn lực phù hợp của địa phương để từng bước thực hiện công tác cấm mốc chỉ giới quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Trước mắt chỉ cần thực hiện cấm mốc chỉ giới ở những tuyến đường trục chính, khu trung tâm xã, các khu đất thuộc quỹ đất để dành cho các công trình công cộng, đầu mối hạ tầng kỹ thuật. Đồng thời, cần làm tốt việc công bố công khai, cung cấp thông tin quy hoạch và chỉ giới quy hoạch để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, thực hiện quy hoạch nông thôn mới.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời kiến nghị của cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPQH (Vụ Dân nguyện);
- VPCP (Vụ Tổng hợp);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, VPĐP (15).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

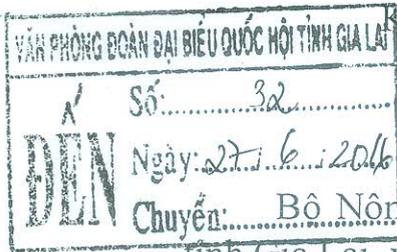
Tran Thanh Nam
Trần Thanh Nam

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5705/BNN-VPĐP
V/v trả lời kiến nghị của cử tri
tỉnh Gia Lai

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2016



Kính gửi:

- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai; ✓
- Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, xin được trả lời như sau:

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ (Câu số 110)

Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp huyện không có công chức chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ. Đề nghị Bộ tham mưu với Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương bố trí người đảm nhiệm công tác.

TRẢ LỜI

1. Hệ thống Văn phòng Điều phối giúp Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp, trong đó có cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối giúp Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp.

2. Về công chức của Văn phòng Điều phối cấp huyện được quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 1, Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ:

- Chánh Văn phòng và từ 01 đến 02 Phó Chánh Văn phòng. Chánh Văn phòng do Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện kiêm nhiệm, Phó Chánh Văn phòng do Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) kiêm nhiệm;

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) bố trí một số công chức chuyên trách trong tổng biên chế được giao;

- Các công chức cấp phòng của các phòng, ban liên quan cử đến, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời kiến nghị của cử tri./.

Nơi nhận:

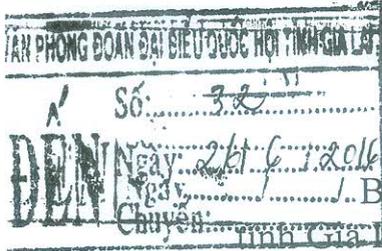
- Như trên;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- VPQH (Vụ Dân nguyện);
- VPCP (Vụ Tổng hợp);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, VPĐP.



Trần Thanh Nam

Số: *5322* /BNN-TT
V/v trả lời kiến nghị của
cử tri tỉnh Gia Lai

Hà Nội, ngày *24* tháng *6* năm 2016



Kính gửi: - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, xin được trả lời như sau:

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ (Câu hỏi số 48)

Đề nghị Chính phủ nghiên cứu, sửa đổi các chính sách đã ban hành, không khả thi trong quá trình thực hiện như: Nghị định số 42/2012/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, trong đó quy định hỗ trợ 10 ngàn đồng/sào đất trồng lúa, nông dân hầu như không làm, vì hồ sơ phức tạp nhưng mức hỗ trợ lại quá thấp; Thực tế người dân rất khó được hỗ trợ khi có dịch bệnh theo quyết định theo quy định của quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

TRẢ LỜI

1. Ngày 11 tháng 5 năm 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/2012/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; trong đó có quy định hỗ trợ trực tiếp người sản xuất lúa với mức 500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa nước, 100.000 đồng/ha/năm đối với đất lúa khác và hỗ trợ cho địa phương sản xuất lúa mức 500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa nước, 100.000 đồng/ha/năm đối với đất lúa khác; đồng thời Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 205/2012/TT-BTC hướng dẫn chính sách hỗ trợ đất trồng lúa.

Sự hỗ trợ như trên thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với nông dân, cũng như các địa phương trồng lúa nhằm khuyến khích bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; đẩy mạnh sản xuất lúa gạo, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực. Tuy nhiên, do diện tích đất lúa của từng hộ nông dân thấp, nhất là ở miền Trung, Tây nguyên và miền Bắc, nên với mức hỗ trợ trên thì số tiền mỗi hộ được nhận không đáng kể, trong khi thủ tục phức tạp, để nhận được tiền mất nhiều thời gian, hiệu quả thấp.

Để khắc phục những hạn chế của Nghị định số 42/2012/NĐ-CP trong quá trình áp dụng trong thực tiễn và xây dựng các chính sách phù hợp với Luật Đất đai 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 trong đó quy định: Ngoài hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành địa phương sản xuất lúa còn được ngân sách nhà nước hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa nước và hỗ trợ 500.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa khác, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa.

Ủy ban nhân dân các cấp sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ này thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp điều kiện của địa phương, trong đó có đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa.

Như vậy nguồn kinh phí hỗ trợ đã được giao cho địa phương quản lý, hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản xuất lúa của người nông dân, tạo điều kiện cho để người nông dân được hưởng chính sách của nhà nước thiết thực, hiệu quả hơn mà không phải qua các thủ tục hành chính rườm rà.

2. Ngày 31/12/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; từ khi Quyết định được ban hành, các địa phương đã chủ động thực hiện hỗ trợ các hộ dân bị thiệt hại, góp phần sớm khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, các địa phương gặp một số khó khăn, vướng mắc sau:

- Mức hỗ trợ thiệt hại quy định tại Quyết định 142/2009/QĐ-TTg được xây dựng từ năm 2009, hiện quá thấp so với thực tế, đặc biệt đối với lĩnh vực thủy sản, do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu khôi phục sản xuất sau thiên tai.

- Một số loại cây trồng, vật nuôi và lĩnh vực sản xuất đặc thù của nông dân chưa được xem xét hỗ trợ.

- Việc xác định, đánh giá thiệt hại tại cơ sở gặp nhiều khó khăn, nhất là trong nuôi trồng thủy sản. Do vậy sau thiên tai, dịch bệnh một khoảng thời gian dài người dân mới có thể hoàn thành thủ tục để được nhận hỗ trợ, làm chậm quá trình khôi phục sản xuất.

- Các tỉnh miền núi, Tây Nguyên và một số tỉnh nghèo, do ngân sách địa phương còn hạn chế nên việc thực hiện hỗ trợ chậm.

Để khắc phục những tồn tại hạn chế như trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang hoàn thiện Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ để người sản xuất tiếp cận thuận lợi nguồn kinh phí hỗ trợ trên, khôi phục nhanh chóng thiệt hại sản xuất do thiên tai, dịch bệnh gây nên.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời kiến nghị của cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- VPQH (Vụ Dân nguyện);
- VPCP (Vụ Tổng hợp);
- Văn phòng Bộ (PTH);
- Lưu: VT, TT. (10)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh